TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2026/HS-ST
Ngày: 10-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Dương - Bí thư Đoàn Thanh niên;

2. Ông Hồng Nguyễn Anh Chương - Giáo viên trường THPT Bến Cát.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần T, sinh ngày 24/10/2007; HKTT: Ấp B, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Trần Thị T1. Tiền án, tiền sự: Không; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1976; HKTT: Ấp B, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Em Trần Thanh A, sinh năm 2010; địa chỉ: Khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp B, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Huỳnh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ F, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1998; địa chỉ: Đường N, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Công T4, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ E, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thu P, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị Ánh T6, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Huỳnh Thị T7, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm công tác xã hội thuộc UBND xã L*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần T và Trần Thanh A (sinh ngày 29/11/2010) có quan hệ là bạn với nhau. Khoảng 10 giờ 30 ngày 21/7/2025, bị cáo sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng mượn của bà Trần Thị T1 gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger rủ Trần Thanh A đi đến nhà của bị cáo chơi thì A đồng ý. Sau đó, A mượn xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1 – 0201 của bà Nguyễn Thị N điều khiển xe đi đến nhà của bị cáo thuộc ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo rủ A đi đến nhà bà Trần Thu L1 là dì ruột của bị cáo tìm tài sản lấy trộm thì A đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1 - 0201 chở bị cáo đi đến nhà bà L1 thuộc ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo và A đi đến nhà bà L1. Lúc này, bà L1 vắng nhà nhưng không khóa cửa, chỉ có Bùi Quốc T8, sinh năm 2014 và Bùi Ngọc M, sinh năm 2017 là cháu của bà L1 đang chơi ở sân nhà. Tại đây, bị cáo nói A ngồi bên ngoài cảnh giới để bị cáo vào phòng ngủ của bà L1 lục tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo mở cửa tủ quần áo cầm lấy 01 bóp da mở khóa lấy 06 chiếc nhẫn vàng (01 nhẫn có khối lượng 1,8356 gam, 01 nhẫn có khối lượng 4,0325 gam, 01 nhẫn có khối lượng 2,0347 gam, 01 nhẫn có khối lượng 0,9442 gam, 01 nhẫn có khối lượng 3,75 gam, 01 nhẫn có khối lượng 7,5 gam) và số tiền 9.400.000

đồng. Bị cáo T lấy số tiền 9.400.000 đồng và 06 chiếc nhẫn vàng cất giấu vào túi quần đang mặc rồi cất bóp da vào vị trí cũ trong tủ. Sau đó, bị cáo đóng cửa tủ lại rồi đi ra phía trước nhà nói A điều khiển xe chở bị cáo đi đến các tiệm vàng tại khu vực xã L, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài. Khi A điều khiển xe chở bị cáo đi được khoảng 500m thì bị cáo bị cáo lấy 03 nhẫn vàng đưa cho A cầm giữ. A điều khiển xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1 – 0201 chở bị cáo đi đến tiệm V thuộc ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh bán 02 nhẫn vàng với giá 31.720.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T5. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, A điều khiển xe mô tô biển số: 61T1 – 0201 đi đến tiệm cầm đồ Phụng Nguyễn cạnh đường TBĐ 17 thuộc ấp L, xã L, Thành phố H của bà Nguyễn Thu P cầm cố 03 nhẫn vàng với giá 13.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ánh T6 là người trông coi tiệm giùm bà P. A tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số: 61T1 – 0201 đi đến tiệm V chở bị cáo đi đến cửa hàng mua bán điện thoại di động Minh T9 thuộc ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh với giá 11.300.000 đồng, A mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng với giá 8.700.000 đồng của ông Nguyễn Huỳnh T2 là chủ cửa hàng. Tiếp đó, A điều khiển xe mô tô biển số: 61T1 – 0201 chở bị cáo đi đến cửa hàng mua bán xe máy 98, cạnh đường N thuộc khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh mua xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 61E1-463.31 với giá 18.500.000 đồng và trả phí sang tên số tiền 800.000 đồng của ông Nguyễn Văn T3 là chủ cửa hàng. Cuối cùng, A điều khiển xe mô tô biển số: 61T1 – 0201, còn bị cáo điều khiển xe mô tô biển số: 61E1-463.31 đi về nhà tại xã L. Trên đường về, bị cáo dừng xe rồi đi vào tiệm V1 thuộc khu phố A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh bán 01 nhẫn vàng với giá 2.520.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Yến N2 là nhân viên của tiệm vàng. Bị cáo đưa số tiền 4.730.000 đồng cho A rồi bị cáo và A điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Sau khi phát hiện mất trộm tài sản, bà Trần Thu L1 kiểm tra camera phát hiện vào ngày 21/7/2025, bị cáo và A là người đến nhà bà L1. Bà L1 nghi ngờ bị cáo và A lấy trộm tài sản nên đến Công an xã L trình báo vụ việc bị chiếm đoạt tài sản. Công an xã L mời T và A đến trụ sở làm việc. Qua làm việc, bị cáo và A đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thu L1.

Vật chứng thu giữ: *(Bút lục số 16, 27, 39, 48).*

- Thu của bà Nguyễn Thi P1: 02 nhẫn vàng hình hoa mai đính đá và 01 nhẫn vàng đính đá;

- Thu của bà Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng; 01 xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1-0201, số máy: VNT1P50FMG00002026, số khung: VNTDCG012NT002026; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0079549; Số tiền 4.730.000 đồng.

- Thu của ông Nguyễn Huỳnh T2: Số tiền 20.000.000 đồng.

- Thu giữ của ông Nguyễn Văn N1: 01 nhẫn vàng.

- Thu giữ của ông Nguyễn Văn T3: Số tiền 19.300.000 đồng.

- Thu của bà Trần Thị T1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng.

- Thu của Trần T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 61E1-463.31, số máy: 5C6H035583, số khung: RLCS5C6H0EY035568; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 61E1-463.31; số tiền 8.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, bị cáo, Trần Thanh A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của T, A phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Bi cáo T khai: Tiền do phạm tội mà có đã tiêu xài còn lại số tiền 8.000.000 đồng, A còn số tiền 4.730.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã L, kết luận:

- 01 nhẫn có khối lượng 1,8356 gam, thành phần kim loại vàng 61,12%, đã qua sử dụng, trị giá 3.200.000 đồng.

- 01 nhẫn có khối lượng 4,0325 gam, thành phần kim loại vàng 99,98%, đã qua sử dụng, trị giá 11.460.000 đồng.

- 01 nhẫn có khối lượng 2,0347 gam, thành phần kim loại vàng 99,98%, đã qua sử dụng, trị giá 5.745.000 đồng.

- 01 nhẫn có khối lượng 0,9442 gam, thành phần kim loại vàng 60,24%, đã qua sử dụng, trị giá 1.645.000 đồng.

- 01 nhẫn có khối lượng 3,75 gam, thành phần kim loại vàng 99,99%, đã qua sử dụng, trị giá 10.720.000 đồng.

- 01 nhẫn có khối lượng 7,5 gam, thành phần kim loại vàng 99,99%, đã qua sử dụng, trị giá 21.000.000 đồng.

Tổng trị giá 53.770.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp: 63.170.000 đồng

Theo Kết luận giám định số: 3776/KL-KTHS ngày 27/8/2025 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, khối lượng: 1,8418 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A1): 61,12%; Bạc (Ag): 19,16%; Đ1 (Cu): 19,73%.

- 02 nhẫn kim loại màu vàng, đều có đính hạt màu trong suốt, tổng khối lượng (nhẫn nhỏ): 2,0446 gam; tổng khối lượng (nhẫn lớn): 4,0465 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A), hàm lượng trung bình: 99,98%.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính 07 hột (06 hột trong suốt và 01 hột màu vàng), tổng khối lượng (cả hột): 0,9510 gam, gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (A1): 60,24%; Bạc (Ag): 20,69%; Đ1 (Cu): 19,08% *(Bút lục số 85).*

Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 61E1-463.31, số máy: 5C6H035583, số khung: RLCS5C6H0EY035568 là của ông Lê Công T4 (sinh

năm 1966, HKTT: Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Năm 2023, ông Lê Công T4 bán xe cho ông Nguyễn Văn T3. Ngày 21/7/2025, ông Nguyễn Văn T3 bán xe cho Trần T. *(Bút lục 62 - 70).*

Xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1-0201, số máy: VNT1P50FMG00002026, số khung: VNTDCG012NT002026 là của bà Huỳnh Thị T7 đứng tên đăng ký. Sau đó, bà Huỳnh Thị T7 bán xe cho ông Phan Văn M1. Năm 2022, ông Phan Văn M1 cho bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1981, HKTT: Khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) xe mô tô trên. Ngày 21/7/2025, Trần Thanh A mượn xe mô tô biển số: 61T1-0201 của bà Nguyễn Thị N làm phương tiện đi lại. *(Bút lục 70).*

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 19/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo như tội danh trên, đồng thời đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Ngày 23/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh cho ông Nguyễn Huỳnh T2. Ngày 25/7/2025 và ngày 01/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: Số tiền 52.030.000 đồng cho bà Trần Thị T1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 61E1-463.31, số máy: 5C6H035583, số khung: RLCS5C6H0EY035568; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 61E1-463.31 cho ông Nguyễn Văn T3. Ngày 11/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 02 nhẫn vàng hình hoa mai đính đá, 01 nhẫn vàng đính đá, 01 nhẫn vàng và số tiền 9.400.000 đồng cho bà Trần Thu L1. Ngày 20/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng cho bà Trần Thị T1; 01 xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1-0201, số máy: VNT1P50FMG00002026, số khung: VNTDCG012NT002026 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0079549 cho bà Nguyễn Thị N. *(Bút lục 49, 77, 117, 118, 120).*

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình là mẹ ruột bà Trần Thị T1 để trả số tiền 2.520.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N1, 13.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thu P, bồi thường 02 nhẫn vàng trị giá 43.020.000 đồng cho bà Trần Thu L1. Ông Nguyễn Văn N1, bà Nguyễn Thu P và bà Trần Thu L1 không yêu cầu giải quyết gì thêm. Bà Trần Thị T1 không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lại.

Tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không tranh luận và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị

cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T1 xin cho bị cáo hưởng án treo. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tình tiết truy tố tại cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Khoảng 11 giờ 00 ngày 21/7/2025, tại nhà bị hại Trần Thị L thuộc ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi lén lút đi vào phòng ngủ nhà bị hại, mở cửa tủ quần áo lấy 06 chiếc nhẫn vàng và số tiền 9.400.000 đồng trong cái bóp da rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã L, kết luận 06 nhẫn vàng có giá trị 53.770.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm là 63.170.000 đồng.

[4] Hành vi lấy trộm tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Xét hành vi, động cơ, mục đích, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 63.170.000 đồng nên Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 19/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo tác động cùng gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mù chữ, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt theo quy

định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 23/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh cho ông Nguyễn Huỳnh T2. Ngày 25/7/2025 và ngày 01/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: Số tiền 52.030.000 đồng cho bà Trần Thị T1; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số: 61E1-463.31, số máy: 5C6H035583, số khung: RLCS5C6H0EY035568; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 61E1-463.31 cho ông Nguyễn Văn T3. Ngày 11/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 02 nhẫn vàng hình hoa mai đính đá, 01 nhẫn vàng đính đá, 01 nhẫn vàng và số tiền 9.400.000 đồng cho bà Trần Thu L1. Ngày 20/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giao trả: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng cho bà Trần Thị T1; 01 xe mô tô hiệu SAVI biển số: 61T1-0201, số máy: VNT1P50FMG00002026, số khung: VNTDCG012NT002026 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 0079549 cho bà Nguyễn Thị N. Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về Trần Thanh A (sinh ngày 29/11/2010) có hành vi giúp sức cho bị cáo trộm tài sản. Tuy nhiên, A chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xem xét.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, điều 54, Điều 90, 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119, 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH-15 ngày 30/11/2024 của Quốc Hội;

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thanh 0 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thanh P2 chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

5.1. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ -Công an TP. Hồ Chí Minh (PV 06);
- UBND xã Long Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam